

Hợp tác Việt Nam - Campuchia trong phòng, chống tội phạm trên tuyến biên giới

Bùi Nam Khánh*

Tóm tắt: Những năm gần đây, ở biên giới Việt Nam - Campuchia hoạt động của các loại tội phạm, đặc biệt là tội phạm mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy và buôn bán người diễn ra khá phức tạp. Tội phạm hai nước đã tìm cách móc nối với nhau, với tội phạm nước ngoài hình thành các mạng lưới, tổ chức, đường dây mang tính xuyên quốc gia, xuyên biên giới. Vấn đề này trở thành mối đe dọa an ninh phi truyền thống, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích, an ninh quốc gia của Việt Nam và Campuchia. Xác định được nguy cơ, thách thức từ hoạt động của các loại tội phạm, từ năm 2009, Việt Nam và Campuchia đã ký các kế hoạch, chương trình hợp tác, tạo cơ chế để các cơ quan chức năng tăng cường hợp tác phòng, chống các loại tội phạm trên tuyến biên giới. Kết quả cho thấy, trong 10 năm qua (2009-2019), hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực này đạt được một số kết quả quan trọng nhưng cũng tồn tại những hạn chế cần phối hợp xử lý. Bài viết nghiên cứu, đánh giá kết quả hợp tác Việt Nam - Campuchia trong phòng, chống các loại tội phạm từ năm 2009 đến năm 2019; Đồng thời, kiến nghị một số giải pháp nâng cao hiệu quả việc hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực này thời gian tới.

Từ khóa: an ninh phi truyền thống; hợp tác Việt Nam - Campuchia; phòng, chống tội phạm; buôn bán ma túy; buôn bán người.

Ngày nhận 04/12/2019; ngày chỉnh sửa 06/02/2020; ngày chấp nhận đăng 28/8/2020

DOI: <https://doi.org/10.33100/tckhxn6.4.BuiNamKhanh>

1. Mở đầu

Tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia gắn liền với an ninh hai vùng chiến lược của Việt Nam là Tây Nguyên và Tây Nam Bộ, nên việc đảm bảo an ninh ở đây được xác định là phòng tuyến quan trọng bảo vệ quốc gia ở phía Tây Nam và có mối liên hệ mật thiết với quan hệ giữa Việt Nam và Campuchia. Tuyến biên giới này cũng là địa bàn hoạt động, trung chuyển của một số loại tội phạm trong khu vực, đặc biệt là tội phạm ma túy và buôn bán người. Những hoạt động tội phạm đang có xu hướng gia tăng và hình

thành những đường dây xuyên quốc gia, tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, ảnh hưởng đến lợi ích, an ninh quốc gia Việt Nam - Campuchia và an toàn trật tự trên tuyến biên giới. Nhận thức rõ các thách thức trên, ngay từ khi Vương quốc Campuchia được tái lập năm 1993¹, Chính phủ Việt Nam đã thúc

¹ Theo lịch sử của Campuchia, năm 1863, Pháp buộc Vua Norodom phải ký Hiệp ước đặt Vương quốc Campuchia dưới sự bảo hộ của Pháp; Năm 1941, Norodom Sihanouk sau khi lên ngôi lần thứ nhất đã vận động cuộc đấu tranh giành lại nền độc lập cho Campuchia. Ngày 09/11/1953, Pháp tuyên bố trao trả độc lập cho Campuchia; Ngày 18/3/1970, Lon Nol-Sirik Matak, được sự hậu thuẫn của Mỹ đảo chính Sihanouk, thành lập Cộng hoà Khmer (tháng 10/1970); Ngày 17/4/1975, Pol Pot lật đổ chế độ Cộng hoà của Lon Nol, thành lập nước Campuchia dân chủ; Ngày 07/1/1979, với sự giúp đỡ của quân tình

* Bộ Ngoại giao Việt Nam;
email: vickism.vn@gmail.com

đẩy hợp tác với Campuchia trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống, trong đó có phòng, chống tội phạm. Năm 1997, Bộ Nội vụ Campuchia và Bộ Nội vụ Việt Nam ký Hiệp định về hợp tác phòng, chống tội phạm (ngày 14/3/1997). Nhưng phải đến năm 2009, sau chuyến thăm Campuchia của Bộ trưởng Bộ Công an Việt Nam Lê Hồng Anh từ 16 - 19/3/2009, Bộ Công an/ Bộ Nội vụ hai nước mới ký Kế hoạch hợp tác giai đoạn 2009 - 2010 thì việc hợp tác phòng, chống tội phạm giữa hai nước mới có chuyển biến rõ rệt từ nội dung, phương pháp, cơ chế đến tổ chức thực hiện. Kết quả hợp tác giữa hai nước thúc đẩy việc ổn định an ninh, trật tự khu vực biên giới, góp phần quan trọng vào làm sâu sắc mối quan hệ giữa Việt Nam - Campuchia theo phương châm: "Láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài" (Nguyễn Thành Văn 2018: 5). Bên cạnh đó, việc hợp tác giữa hai nước cũng tồn tại những hạn chế, bất cập trong cơ chế phối hợp thực hiện các điều ước quốc tế, song phương đã ký kết, trao đổi thông tin tội phạm v.v.. Trong bối cảnh toàn cầu hóa tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, sự gia tăng của các loại tội phạm đe dọa đến sự ổn định, phát triển các quốc gia, khu vực và toàn cầu, Việt Nam và Campuchia cần phải tăng cường hợp tác hơn nữa trong phòng, chống các loại tội phạm ở khu vực biên giới. Hai nước cần tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, tăng cường lòng tin, đổi mới cơ chế hợp tác, trao đổi thông tin để đưa hợp tác song phương trong phòng, chống tội phạm xuyên biên giới đi vào chiều sâu, hiệu quả, thiết thực hơn. Thông qua phương pháp

nguyên Việt Nam, nhân dân Campuchia đứng lên lật đổ chế độ diệt chủng Pol Pot-Iêng Xary, thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia, năm 1989 đổi thành Nhà nước Campuchia; Ngày 24/9/1993, Quốc hội mới và Chính phủ Liên hiệp của Đảng Nhân dân Campuchia và Đảng Bảo hoàng Campuchia nhiệm kỳ I được thành lập, tên nước đổi thành Vương quốc Campuchia (như vậy Vương quốc Campuchia được tái lập năm 1993 theo chế độ quân chủ lập hiến) (Bộ Ngoại giao Việt Nam 2006).

tiếp cận lịch sử và trên cơ sở phân tích quan hệ quốc tế, nghiên cứu này góp phần đánh giá kết quả hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia trong phòng, chống hai loại tội phạm chính ở khu vực biên giới là tội phạm ma túy và tội phạm buôn bán người từ năm 2009 đến năm 2019. Đồng thời, thông qua những hạn chế đã tìm ra, bài viết còn đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia trong lĩnh vực này thời gian tới.

2. Đặc điểm tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia

Biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia có chiều dài khoảng 1.137 km tính từ điểm đầu tại vị trí ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia (ngã ba Đông Dương) đến điểm cuối ở bờ biển Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang của Việt Nam, tiếp giáp với tỉnh Kampot của Campuchia, đi qua 31 huyện, thị; 102 xã, phường thuộc 10 tỉnh khu vực Tây Nguyên và Tây Nam Bộ của Việt Nam² và tiếp giáp với 80 xã, phường thuộc 09 tỉnh của Campuchia³. Tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia đi qua hai dạng địa hình đặc trưng là vùng đồng bằng và vùng núi với hơn 585 km đường biên giới đi theo sông suối⁴, có những đoạn trong mùa mưa ngập

² Kon Tum (khoảng 95km), Gia Lai (khoảng 90km), Đắk Lắk (khoảng 73km), Đắk Nông (khoảng 120km), Bình Phước (khoảng 210km), Tây Ninh (khoảng 220km), Long An (khoảng 136km), Đồng Tháp (khoảng 49km), An Giang (khoảng 96km), Kiên Giang (khoảng 48km).

³ Ratanakiri, Mondulakiri, Kratié, Tbong Khmum, Svay Rieng, Pray Veng, Kandal, Ta keo và Kampot.

⁴ Địa hình dọc đường biên giới Việt Nam - Campuchia được chia làm ba đoạn: Đoạn biên giới từ ngã ba biên giới (đi qua khu vực Tây Nguyên) đến hết biên giới tỉnh Bình Phước dài khoảng 585km có địa hình rừng núi, độ cao trung bình từ 100 mét đến 1.400m, nhiều rừng rậm, núi cao, hiểm trở; đoạn biên giới từ điểm tiếp giáp biên giới giữa tỉnh Bình Phước và tỉnh Tây Ninh đến sông Vàm Cỏ Đông dài khoảng 143km đi qua nhiều vùng địa hình rừng rậm nhưng bằng phẳng; đoạn biên giới từ Nam Tây Ninh đến giáp mép biển Xà Xía (Kiên Giang) dài khoảng 409

không xác định được đường biên giới, nhất là đoạn từ Long An đến Kiên Giang (đổi diện là từ Svay Rieng đến Kampot) đi qua vùng đồng bằng, qua lại hai bên biên giới dễ dàng. Trên toàn tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia có khoảng 60 cặp cửa khẩu, trong đó có 10 cặp cửa khẩu quốc tế, 19 cặp cửa khẩu quốc gia và hàng chục cửa khẩu phụ (tiểu ngạch) do các địa phương hai bên mở (Bùi Nam Khánh 2018a: 56). Giao thông trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia tương đối đa dạng, bao gồm cả đường bộ và đường thủy. Cùng với hệ thống đường giao thông liên tỉnh và đường mòn, hệ thống kênh rạch chằng chịt, thuận lợi cho việc qua lại của nhân dân. Các đặc điểm tự nhiên giúp sự giao lưu giữa hai nước trên tuyến biên giới thuận tiện, tạo nhiều lợi ích về hợp tác kinh tế, thương mại, song cũng gây khó khăn nhất định cho công tác quản lý biên giới và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên tuyến biên giới.

Bên phía Việt Nam, cư dân sinh sống bao gồm 09 dân tộc là Ê đê, Gia rai, Ba na, M'Nông, Giê Triêng, Xtiêng, Khmer, Chăm và Kinh (Vương Xuân Tình 2014: 67). Từ khu vực Tây Ninh xuống phía Nam đến Kiên Giang, chủ yếu là người Kinh (Việt), người Hoa và người Khmer cùng cư trú (Đỗ Thị Thanh Bình và cộng sự 2018b: 179). Phía Campuchia từ tỉnh Tbong Khmum đến tỉnh Kampot chủ yếu do người Khmer và người Hoa cư trú, còn lại cộng đồng dân cư sinh sống trên cả khu vực trên cao nguyên rộng lớn ở phía bắc cả nước gồm rất nhiều tộc người, nhưng về mặt dân tộc học đều thuộc hai nhóm lớn là Môn Khmer và Mã Lai đa đảo, với các dân tộc như: M'Nông, Stiêng, Gia rai, người Thượng (Nguyễn Thành Văn 2018: 56, 78). Dân cư ở hai bên biên giới với những đặc trưng riêng về văn hóa, phong tục, tôn giáo và thường có quan

hệ thân tộc, dân tộc với phía bên kia biên giới, đặc biệt là cộng đồng người Khmer⁵. Nhiều thế kỷ qua, giữa hai dân tộc Việt, Khmer và các dân tộc khác ở dọc hai bên đường biên đã có sự giao lưu, gắn kết trên nhiều mặt như kinh tế, văn hóa. Trong những năm gần đây, mối quan hệ giao lưu đó có chiều hướng phát triển tốt đẹp.

Nghèo đói, chênh lệch thu nhập và trình độ dân trí là vấn đề nan giải khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia. Năm 2006, tỷ lệ hộ nghèo của vùng Tây Nguyên trung bình là 23% tổng số hộ dân, trong đó, ở Kon Tum là 30%, ở Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông khoảng 25% (Nguyễn Hồng Nhung 2010: 23). Đến năm 2016, tỷ lệ hộ nghèo của Tây Nguyên trung bình là 17,14% tổng số hộ dân so với trung bình cả nước là 9,88% (Vũ Thị 2016). Trình độ dân trí nhìn chung còn thấp, tỉ lệ mù chữ ở các xã giáp biên khá cao (các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, An Giang có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số ở độ tuổi trên 15 không biết đọc, biết viết chiếm khoảng 22% dân số (Nguyễn Hồng Nhung 2010: 24). Tại đây, một bộ phận lớn nhân dân chưa nhận thức đầy đủ, đúng đắn về các chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của nhà nước; Thiếu ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nên việc tham gia vào công tác bảo vệ an ninh, trật tự ở khu vực biên giới còn nhiều hạn chế, thậm chí vi phạm pháp luật, xâm phạm quy chế biên giới ở nhiều hình thức, mức độ khác nhau. Hệ thống chính trị cơ sở ở một số địa bàn chưa vững mạnh, chưa thực sự nắm chắc tình hình địa bàn, dẫn đến còn bị động, lúng túng trong quản lý dân cư, xử lý các vấn đề phát sinh, nhất là việc vượt biên

km thuộc loại địa hình đồng bằng, qua nhiều kênh rạch, sinh lầy.

⁵ Người Khmer ở Việt Nam và Campuchia là cùng chung một tộc người, văn hóa tộc người giữa hai nhóm này có nhiều nét tương tự nhau như ngôn ngữ, chữ viết, tín ngưỡng, tôn giáo. Sự khác nhau giữa hai nhóm này cũng có thể nhận biết được qua các phương ngữ hoặc một số phong tục tập quán ảnh hưởng bởi người Việt, người Hoa cùng cộng cư như trang phục, nếp sống.

trái phép, buôn lậu, buôn bán người (Bùi Nam Khánh 2018a: 55).

Biên giới Việt Nam - Campuchia đang trong quá trình phân giới cắm mốc (Đỗ Thị Thanh Bình và cộng sự 2018b: 103). Từ năm 2006, Việt Nam - Campuchia đã tái khởi động công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới đất liền giữa hai nước căn cứ theo Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985 và Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 2005. Tuy nhiên, đến năm 2019 hai bên mới hoàn thành phân giới cắm mốc đối với khoảng 1.045 km đường biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia, xây dựng được 315 cột mốc chính, 1.511 cột mốc phụ và 221 cọc dấu, tức là đã hoàn thành khoảng 84% khối lượng công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến (Quang Thanh 2019). Việc chưa hoàn thành phân giới cắm mốc đã tạo ra những khó khăn cho việc quản lý biên giới nếu Việt Nam và Campuchia không phối hợp tốt. Đồng thời, các loại tội phạm đã lợi dụng việc chưa hoàn thành phân giới cắm mốc, khó khăn trong quản lý biên giới để tiến hành các hoạt động phạm tội (Đỗ Thị Thanh Bình và cộng sự 2018a: 26).

3. Tình hình tội phạm trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia

Biên giới Việt Nam - Campuchia với đặc thù địa bàn khu vực vành đai biên giới vẫn còn nhiều hộ dân sinh sống, phát sinh nhiều đường mòn lối mở hai bên cánh gà, các bến đò ngang, sông suối cắt qua dẫn đến việc khó kiểm soát, tình hình hoạt động tội phạm biên giới diễn biến phức tạp. Trong đó, có một số loại tội phạm chủ yếu như sau:

Hoạt động buôn bán ma túy: Tình hình tội phạm về ma túy trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia vẫn diễn biến rất phức tạp, đặc biệt là hoạt động mua bán, vận

chuyển ma túy từ Campuchia vào Việt Nam. Việt Nam được xác định là địa bàn trung chuyển ma túy từ các trung tâm ma túy ở khu vực "Tam giác vàng"⁶, "Lưỡi liềm vàng"⁷ vào Việt Nam và đi các quốc gia khác. Cùng với việc Việt Nam đẩy mạnh hợp tác để triệt phá các đường dây buôn bán ma túy ở biên giới với Trung Quốc, Lào thì xu hướng tội phạm ma túy dịch chuyển xuống biên giới Việt Nam - Campuchia hoạt động càng rõ rệt (Bùi Nam Khánh 2019a: 65). Trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, tội phạm ma túy móc nối với các đối tượng Việt kiều hoặc làm ăn, buôn bán ở Campuchia, các đối tượng là du lịch, không nghề nghiệp, lao động tự do, v.v. thường xuyên qua lại hai bên biên giới để mua bán, vận chuyển trái phép heroin, ma túy tổng hợp, cần sa từ Campuchia vào Việt Nam tiêu thụ ở các tỉnh phía Nam, thậm chí vận chuyển ra phía Bắc tiêu thụ (Bùi Nam Khánh 2019a: 67). Cũng giống như các tuyến biên giới khác, tội phạm ma túy tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia thực hiện câu kết chặt chẽ trong nước và ngoài nước với nhau hình thành các đường dây, tổ chức tội phạm với tính chất, phương thức, thủ đoạn tinh vi, liêu lĩnh và mạnh động. Những đối tượng này trang bị nhiều phương tiện

⁶ Tam giác vàng (*Golden Triangle*) là khu vực nằm giữa biên giới ba nước Lào, Thái Lan, Myanmar. Khu vực này có diện tích khoảng 350.000 km², trải dài từ tỉnh Mong Hpayak của Myanmar, sang Chiang Rai của Thái Lan và Phong Sa Li của Lào. Phần lớn diện tích của Tam giác vàng là đồi núi, có độ cao hơn 1000m so với mực nước biển, thời tiết luôn lạnh và ẩm ướt, rất thích hợp trồng cần sa và anh túc. Đây là nơi sản xuất thuốc phiện lớn nhất thế giới (UNODC 2019c). UNODC - Văn phòng Liên Hiệp Quốc về chống Ma túy và Tội phạm (United Nations Office on Drugs and Crime).

⁷ Lưỡi liềm vàng (*The Golden Crescent*) nằm ở vị trí nút giao giữa Trung Á, Nam Á và Tây Á. Khu vực này bao trùm lên phạm vi 3 quốc gia là Afghanistan, Iran và Pakistan, nơi mà vùng núi non bao quanh tạo thành hình lưỡi liềm. Khu vực này được hình thành từ giữa thế kỷ XX, sớm hơn cả Tam giác vàng. Hiện nay, đây là khu vực sản xuất ma túy lớn thứ hai thế giới sau Tam giác vàng (Talpur và cộng sự 2014: 31).

thông tin liên lạc hiện đại, vận chuyển ma túy bằng nhiều loại phương tiện khác nhau và sẵn sàng dùng nhiều loại vũ khí "nóng" chống trả khi bị phát hiện, bắt giữ.

Hoạt động buôn bán người: Biên giới Việt Nam - Campuchia thường xuyên thu hút một lượng lớn người dân qua lại để buôn bán, thăm thân và du lịch, v.v. dẫn đến các hoạt động tội phạm và tệ nạn xã hội, trong đó đáng lo ngại là tội buôn người với những thủ đoạn rất tinh vi và xảo quyệt. Thông qua việc lợi dụng việc thông thoáng trong thủ tục nhập cư, nhiều đường dây tội phạm buôn người lừa đảo nhiều công dân Việt Nam sang Campuchia hành nghề mại dâm, lao động hoặc bán đi nước ngoài. Nạn nhân ở đây chủ yếu là phụ nữ, trẻ em Việt Nam ở các tỉnh khu vực Tây Nguyên, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, v.v.. Những nạn nhân khi sập bẫy sẽ bị ép làm mại dâm trong các tiệm cắt tóc, gội đầu, mát xa trá hình hoặc bị bóc lột sức lao động trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ, công trường và khu công nghiệp khai thác khoáng sản. Bên cạnh đó, tình trạng người Việt Nam bị lừa bán sang Campuchia để đưa sang nước thứ ba ép buộc lấy chồng bất hợp pháp, hoạt động mại dâm, cưỡng bức lao động, để thuê có xu hướng gia tăng (Thông tấn xã Việt Nam 2016). Từ năm 2010 đến 2012, tình trạng phụ nữ và trẻ em sang Campuchia đánh bạc tại các sòng bạc, "trường gà"⁸ và làm việc tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ nhạy cảm ở khu vực biên giới cũng khá phổ biến và là đối tượng có nguy cơ bị buôn bán. Theo thống kê của các cơ quan chức năng, mỗi ngày có từ 3.000 đến 5.000 phụ nữ Việt Nam tham gia hoạt động này, nhiều phụ nữ bị thua bạc trở thành nạn nhân của nạn mại dâm và cho vay

nặng lãi, lao động cưỡng bức. Bên cạnh đó, tội phạm cũng tổ chức thành các đường dây để đưa người Campuchia (chủ yếu là phụ nữ và trẻ em) đến Việt Nam lang thang, ăn xin. Chỉ trong giai đoạn 2011-2015, chính quyền địa phương tại Việt Nam thu thập và lập danh sách hơn 2.000 phụ nữ và trẻ em Campuchia và tổ chức hơn 60 lần bàn giao cho phía Campuchia, tuy nhiên 70% vẫn tiếp tục quay trở lại Việt Nam (Mai Đan 2018). Các cơ quan chức năng Việt Nam và Campuchia còn phối hợp, phát hiện hơn 300 vụ mua bán người trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia (chiếm hơn 11% tổng số vụ mua bán người trên tuyến biên giới của Việt Nam, đứng thứ hai sau các vụ mua bán người trên tuyến biên giới, sau biên giới Việt Nam - Trung Quốc) (Thanh Hà 2018), triệt phá nhiều đường dây, tổ chức buôn bán người trên tuyến biên giới. Việt Nam và Campuchia đã xác định nhiều tụ điểm dịch vụ tại khu vực biên giới thường xuyên thu hút khoảng 300 - 500 phụ nữ là người Việt Nam và Campuchia hoạt động mại dâm có biểu hiện mua bán người (Quang Đạo 2018); 21 tuyến, 49 địa bàn xuất hiện 70 tụ điểm, 56 sòng bạc và 36 trường gà thường xuyên thu hút người Việt Nam đánh bạc, cưỡng bức lao động, cho vay nặng lãi (Bùi Nam Khánh 2019b: 61). Những nạn nhân, chủ yếu là phụ nữ Việt Nam bị lừa bán sang Campuchia để đưa sang nước thứ ba ép buộc lấy chồng bất hợp pháp, hoạt động mại dâm, cưỡng bức lao động, để thuê; Trẻ em bị bóc lột sức lao động trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ, công trường và khu công nghiệp khai thác khoáng sản. Thời gian gần đây, các cơ quan chức năng hai nước còn phát hiện một số phụ nữ, trẻ em người nước ngoài bị đưa trái phép qua Việt Nam sang Campuchia bán đi các nước khác; Xuất hiện tình trạng mua bán đàn ông để cưỡng bức lao động, mua bán trẻ sơ sinh; Các đối tượng người Campuchia, Trung Quốc và Việt Nam móc nối hình thành các đường dây, tổ chức

⁸ Trường gà hay sới gà là nơi tổ chức đá gà và cũng là nơi nuôi, chăm sóc, huấn luyện gà. Tùy theo vùng miền mà sẽ gọi là sới hoặc trường. Thông thường ở miền Bắc sẽ gọi là sới gà, miền Nam gọi là trường gà.

lừa gạt phụ nữ Campuchia vào Việt Nam, qua Quảng Ninh hoặc Lào Cai để bán sang Trung Quốc (Bùi Nam Khánh 2019b: 62).

4. Thực trạng hợp tác phòng, chống các loại tội phạm trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia

Đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế: Tính đến hết năm 2019, Việt Nam và Campuchia đã ký 07 hiệp định, bản ghi nhớ, thỏa thuận cấp nhà nước, chính phủ về phòng, chống tội phạm⁹. Các văn bản hợp tác song phương giữa Việt Nam và Campuchia trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm cũng giống với các văn bản hợp tác giữa quốc gia khác bao gồm cơ sở, nguyên tắc, nội dung và phương thức tiến hành hợp tác. Về cơ sở, nguyên tắc hợp tác phải phù hợp với các công ước, điều ước hai bên đã ký kết hoặc là thành viên và phù hợp với luật pháp của hai nước. Về nội dung, phương thức tiến hành hợp tác thường quy định về cơ chế trao đổi thông tin, trao đổi kinh nghiệm; Phối hợp kiểm tra, kiểm soát, điều tra xử lý tội phạm; Giúp đỡ lẫn nhau về công tác tổ chức, quản lý, chỉ đạo công tác phòng, chống tội phạm, đào tạo cán bộ, trang bị phương tiện, v.v.. Thực tế cho thấy, trong tổ chức thực hiện các hiệp định, văn

bản thỏa thuận về hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm giữa Chính phủ, Bộ Công an Việt Nam với Chính phủ, Bộ Nội vụ Campuchia còn rất nhiều bất cập (Đỗ Thị Thanh Bình và cộng sự 2018a: 26) như: Việc phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, từng lực lượng chưa thật sự cụ thể nên có tình trạng ký văn bản hợp tác nhưng chưa chú ý đến tổ chức thực hiện. Qua nghiên cứu cho thấy, khi triển khai Thỏa thuận về sửa đổi, bổ sung hiệp định nhằm loại trừ nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em và giúp đỡ nạn nhân bị buôn bán, ở cả Việt Nam và Campuchia chỉ tiến hành phê duyệt và thông báo việc điều ước quốc tế có hiệu lực, không có các hoạt động triển khai tuyên truyền, tổ chức thực hiện cụ thể tại các lực lượng chức năng, địa phương. Đến nay, hai nước cũng chưa có một chương trình hợp tác chung, cụ thể để triển khai thực hiện thỏa thuận trên. Thực tế cho thấy, các hiệp định, nghị định, thỏa thuận ký kết giữa hai nước mới dừng lại ở cấp chính phủ và các đơn vị, địa phương hai nước, việc triển khai xuống cấp cơ sở còn chậm; Hầu hết chưa có thông tư, văn bản hướng dẫn cụ thể nên cấp cơ sở thực hiện không đầy đủ, thậm chí không đúng nên việc phối hợp trong triển khai các hoạt động điều tra bắt giữ khó khăn, trao đổi thông tin tội phạm còn chậm. Bên cạnh đó, có nhiều điều ước quốc tế song phương về phòng, chống tội phạm giữa Việt Nam và Campuchia đã ký kết từ lâu nhưng không được tổng kết rút kinh nghiệm, không được sửa đổi, bổ sung, cập nhật nên ít có tính khả thi. Ví dụ: Các hiệp định hợp tác về phòng chống tội phạm năm 1997, về kiểm soát ma túy, các chất hướng thần và tiền hoá chất năm 1998, về loại trừ nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em và giúp đỡ nạn nhân bị buôn bán (sửa đổi, bổ sung) năm 2012, về dẫn độ năm 2012, v.v.. Đến nay, một số đã không phù hợp, chưa cập nhật về tình hình, tính chất, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm, cũng như chủ trương, chính sách của hai

⁹ Bản ghi nhớ giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về hợp tác kiểm soát ma túy, các chất hướng thần và tiền hoá chất (ngày 01/6/1998); Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về hợp tác song phương nhằm loại trừ tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em và giúp đỡ nạn nhân bị buôn bán (ngày 10/10/2005); Thỏa thuận về sửa đổi, bổ sung Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia nhằm loại trừ nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em và giúp đỡ nạn nhân bị buôn bán (ngày 28/9/2012); Hiệp định về dẫn độ giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia (ngày 23/12/2012); Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia (tháng 12/2016).

nước. Bên cạnh đó, một số văn bản đã ký, do chưa được tính toán kỹ lưỡng nên nội dung, hình thức, lĩnh vực hợp tác không phù hợp với thực tiễn công tác phòng ngừa, điều tra tội phạm hai nước. Ngoài ra, cán bộ làm công tác hợp tác quốc tế với cảnh sát Campuchia cũng chưa được bố trí ổn định, trình độ ngoại ngữ, pháp luật quốc tế chưa đáp ứng được yêu cầu hợp tác. Thực trạng trên cho thấy, cần phải đổi mới nhận thức về hợp tác quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhanh chóng xây dựng cơ chế, tổ chức bộ máy thực hiện các thỏa thuận quốc tế đã ký kết (Bùi Nam Khánh 2019b: 78).

Hợp tác triển khai các chương trình, kế hoạch hợp tác về phòng, chống tội phạm giữa các bộ, ngành và địa phương: Trên tinh thần thống nhất của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ Việt Nam và Campuchia, các bộ, ngành chức năng, địa phương của Việt Nam và Campuchia đã đàm phán, ký kết nhiều văn bản hợp tác song phương về phòng, chống tội phạm. Ở cấp trung ương, các Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính (lực lượng hải quan), Bộ Tư pháp của Việt Nam lần lượt ký kết các thỏa thuận, kế hoạch, chương trình hợp tác hàng năm hoặc theo giai đoạn 2 năm hoặc 5 năm về phòng, chống các loại tội phạm với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp của Campuchia. Ở cấp địa phương, chính quyền và các lực lượng chức năng (công an, bộ đội biên phòng, đồn biên phòng, v.v.) các tỉnh biên giới đã ký kết các kế hoạch hợp tác nhằm tăng cường tình đoàn kết hữu nghị hợp tác tốt đẹp trong việc phòng chống tội phạm các loại để đảm bảo an ninh trật tự ở khu vực biên giới. Tính đến hết năm 2019, chính quyền, công an và bộ đội biên phòng của 9/9 tỉnh của Việt Nam và 10/10 tỉnh Campuchia đã ký thỏa thuận, kế hoạch hợp tác, trong đó có lĩnh vực phòng, chống tội phạm (Phạm Thanh Tân 2018). Bên cạnh đó, hai nước còn có sáng kiến và duy trì

thường xuyên Hội nghị về Hợp tác phát triển các tỉnh biên giới với sự tham gia của các bộ, ngành, địa phương hai nước từ năm 2004. Thông cáo chung của Hội nghị chính là văn bản thỏa thuận quan trọng giữa chính quyền, các lực lượng chức năng, thể hiện sự quan tâm cao, quyết tâm nỗ lực của hai bên trong việc thúc đẩy hợp tác giữa hai nước. Tuy nhiên, các cơ chế hợp tác thiếu hiệu quả, hình thức hợp tác giản đơn, không chú trọng vào nâng cao chất lượng các cơ chế hợp tác nên hợp tác chưa tương xứng với tiềm năng. Việc phối hợp giữa chính quyền và các lực lượng chức năng phòng, chống tội phạm giữa Việt Nam và Campuchia, nhất là các tỉnh, huyện biên giới hai nước còn thiếu các biện pháp, kế hoạch cụ thể, thống nhất. Ở một số địa phương ở Tây Nguyên như Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông do những hạn chế về điều kiện địa lý, cơ sở vật chất, nhân lực, v.v. nên việc hợp tác giữa chính quyền, các lực lượng chức năng ở đây với các địa phương bên phía Campuchia chưa thật sự được coi trọng, việc trao đổi thông tin, thiết lập các cơ chế phối hợp còn lỏng lẻo, chưa kịp thời, là điều kiện để các loại tội phạm lợi dụng, xây dựng căn cứ, địa bàn để triển khai các hoạt động phạm tội trên tuyến biên giới thời gian qua (Bùi Nam Khánh 2020: 147).

Cung cấp, trao đổi, chia sẻ thông tin về tội phạm: Từ rất sớm, trong các văn bản hợp tác, diễn đàn trao đổi, Việt Nam và Campuchia đã thiết lập các cơ chế nhằm hợp tác để cung cấp, trao đổi thông tin, trong đó các thông tin về tội phạm được xác định là một trong những nội dung quan trọng trong hợp tác giữa hai nước. Các lực lượng chức năng hai nước đã chủ động xây dựng cơ chế hợp tác, trao đổi kinh nghiệm đấu tranh, cũng như thông tin về phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm ở mỗi quốc gia, các loại tội phạm mới phát sinh, kinh nghiệm phát hiện, phòng ngừa ngăn chặn.

Việc cung cấp, trao đổi thông tin về tội phạm giữa hai nước được triển khai dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Qua nghiên cứu, nhận thấy việc hợp tác cung cấp, trao đổi thông tin về tội phạm giữa hai nước chủ yếu thông qua các kênh của Tổ chức Cảnh sát Hình sự quốc tế (INTERPOL)¹⁰; Hiệp hội Cảnh sát các quốc gia Đông Nam Á (ASEANPOL)¹¹; Văn phòng liên lạc qua biên giới (Văn phòng BLO)¹²; Trực tiếp gặp gỡ trao đổi kinh nghiệm; Tổ chức diễn đàn thường niên, giao ban định kỳ luân phiên. Trong đó, hợp tác qua Văn phòng BLO là cơ chế phát huy hiệu quả cao nhất. Trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, hai nước đã thành lập 05 cặp Văn phòng liên lạc qua biên giới ở ba tỉnh Tây Ninh, An Giang, Kiên Giang (UNODC 2019b). Ban đầu, các văn phòng này chủ yếu với chức năng là đầu mối liên lạc, trao đổi thông tin về đấu tranh phòng, chống ma túy giữa Việt Nam và Campuchia (UNODC 2019a). Tuy nhiên, Từ năm 2010, trong khuôn khổ dự án Quan hệ đối tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật trong công tác phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (PATROL)¹³, các Văn phòng BLO

Việt Nam - Campuchia được mở rộng, bổ sung chức năng, nhiệm vụ hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia gồm tội phạm mua bán người, môi trường, động vật hoang dã, lâm sản, di cư trái phép, rác thải độc hại qua biên giới (Tiến Mạnh 2016). Các Văn phòng BLO của Việt Nam và Campuchia hợp tác, chia sẻ thông tin, phối hợp chặt chẽ trong lĩnh vực phòng chống tội phạm ma túy và các loại tội phạm khác trong khuôn khổ pháp luật của hai nước, các điều ước quốc tế về phòng chống tội phạm mà Việt Nam và Campuchia tham gia ký kết và các hiệp định hợp tác về phòng chống tội phạm giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Campuchia... Việc hợp tác giữa các Văn phòng BLO dưới nhiều hình thức đa dạng như các hoạt động phối hợp trao đổi thông tin, qua các hội nghị, giao ban, gặp gỡ, tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn công tác. Từ năm 2008 đến năm 2019, Bộ Công an Việt Nam phối hợp với Văn phòng Ủy ban Quốc gia phòng chống ma túy của Campuchia tổ chức được 03 Hội nghị về hợp tác phòng, chống ma túy; 05 khóa đào tạo, tập huấn về công tác hành pháp, phối hợp trong tiếp nhận, xử lý thông tin, v.v. cho cán bộ tại các Văn phòng BLO của Việt Nam và Campuchia (Bùi Nam Khánh 2019a: 67).

Tuy nhiên, công tác nắm tình hình tội phạm ở khu vực biên giới còn thiếu tính toàn diện, chưa chủ động nên trao đổi thông tin, tình hình hoạt động của tội phạm chưa thường xuyên, kịp thời, chủ yếu là quan hệ xã giao và xử lý vụ việc cụ thể (Đỗ Thị Thanh Bình và cộng sự 2018b: 188). Cơ chế hợp tác còn cứng nhắc theo thủ tục hành chính nhất là trong phối hợp giải quyết các vụ việc có tính cấp bách, quan trọng nên chưa đáp ứng được yêu cầu trong công tác phối hợp phòng, chống tội phạm, chưa phát

¹⁰ Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế (International Criminal Police Organization) là tổ chức liên chính phủ được thành lập ngày 07/9/1923 tại Viên (Áo) với mục đích cùng cố hoạt động chung của các cơ quan cảnh sát quốc gia.

¹¹ Hiệp hội Cảnh sát các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN Chiefs of National Police) được thành lập tháng 10/1981 trong cuộc họp chính thức đầu tiên của các Cảnh sát trưởng ASEAN được tổ chức tại Manila (Philippines) từ ngày 21 đến 23/10/1981.

¹² Văn phòng liên lạc qua biên giới (Border Liaison Office) là sáng kiến của Liên Hợp Quốc, là một văn phòng phối hợp cho các cơ quan thực thi pháp luật quốc gia, tạo điều kiện và thúc đẩy hợp tác xuyên biên giới giữa các quốc gia. Đây là sáng kiến được đưa ra để ứng phó với thách thức từ các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia bắt đầu từ năm 1996 ở khu vực Đông Á (Hoàng Anh 2015).

¹³ Dự án Quan hệ đối tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật trong công tác phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Partnership Against Transnational-crime through Regional Organized Law-enforcement) được

thành lập năm 2010 nhằm hỗ trợ cho các nước Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam.

huy hết khả năng điều kiện của hai bên. Việc phối hợp trao đổi thông tin, kinh nghiệm phòng, chống tội phạm giữa các tỉnh biên giới chưa được tiến hành thường xuyên, còn hình thức. Có tỉnh chưa thực hiện được các cuộc tiếp xúc thường kỳ, thậm chí có năm không thực hiện việc trao đổi thông tin hoặc tổ chức gặp gỡ trao đổi nhưng nội dung thông tin còn ít, mang tính chung chung, hình thức, không cập nhật thường xuyên, thậm chí một số nơi còn trao đổi thông tin cũ (Bùi Nam Khánh 2020: 147). Các hội nghị, giao ban định kỳ, đột xuất giữa lãnh đạo và các lực lượng hai nước có nơi, có cấp còn chưa sâu, nội dung chưa cụ thể, mang tính hình thức nên hiệu quả còn thấp. Trách nhiệm thực hiện yêu cầu của phía đơn vị đối tác chưa kịp thời, có công việc hoặc thông tin trao đổi phối hợp không nhận được kết quả phản hồi (Bùi Nam Khánh 2019a: 68; 2019b: 65).

Đấu tranh với tội phạm ma túy: Nhằm đấu tranh có hiệu quả, ba đơn vị của hai quốc gia (Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (Bộ Công an); Cục Phòng, chống ma túy và tội phạm, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng (Bộ Quốc phòng) với Tổng cục Công an quốc gia, Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia) có nhiều cố gắng, tập trung lực lượng, phương tiện, triển khai các chương trình, kế hoạch đấu tranh với loại tội phạm này tại mỗi nước cũng như tham gia các diễn đàn, hoạt động chung của các nước trên thế giới và trong khu vực Đông Nam Á. Trong đó, các lực lượng cấp tỉnh, huyện khu vực hai bên biên giới đã chú trọng phối hợp phát hiện, bắt giữ, ngăn chặn từ xa nguồn ma túy thâm lậu vào nội địa. Theo tổng kết, từ năm 2015 đến năm 2018, trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, đơn vị chức năng hai nước đã hợp tác triệt phá 3.767 vụ, bắt giữ 6.069 đối tượng, thu giữ gần 1 tấn ma túy các loại. Điển hình là năm 2018, trên toàn tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia,

lực lượng chức năng Việt Nam bắt giữ được 1.537 vụ, 2.626 đối tượng, thu giữ 11,58 kg heroin, 5,2 kg cần sa khô, 76,83 kg và 1.073 viên ma túy tổng hợp. Tại Hội nghị giao ban giữa ba lực lượng (Cục Phòng chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Bộ Công an và Cục Chống ma túy, Tổng cục Cảnh sát quốc gia Campuchia) trong phối hợp đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy năm 2018, được tổ chức tại Đà Nẵng ngày 26/9/2018 chỉ rõ: Trong năm 2018, các đơn vị bộ đội biên phòng và công an tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia đã tổ chức gặp định kỳ, đột xuất 273 lần, trao đổi 126 tin có giá trị, phối hợp bắt giữ hơn 188 kg ma túy các loại (Bộ Công an Việt Nam 2018: 12). Trong 6 tháng đầu năm 2019, tuy số vụ án và số đối tượng buôn bán ma túy bị lực lượng phòng, chống ma túy và tội phạm bộ đội biên phòng Việt Nam phối hợp với các lực lượng chức năng Campuchia bắt giữ, xử lý chỉ có 32 vụ và 60 đối tượng nhưng đã thu 129,892 kg ma túy các loại (30 bánh heroin, 55.461 viên, 113,94 kg ma túy tổng hợp), chiếm 6,64% số vụ, 8,04% số đối tượng, chiếm 5,94% số ma túy thu giữ trên toàn tuyến biên giới của Việt Nam (Hoàng Anh 2019).

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác nắm tình hình tội phạm ma túy trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia còn thiếu tính toàn diện, chưa chủ động nên trao đổi thông tin, tình hình hoạt động của tội phạm về ma túy chưa thường xuyên, kịp thời, chủ yếu là quan hệ xã giao và xử lý các vụ việc cụ thể. Việc chia sẻ thông tin và phối hợp còn chưa kịp thời dẫn đến việc các loại tội phạm tiếp tục trở thành mối đe dọa lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia (Bùi Nam Khánh 2018b: 698). Các lực lượng kiểm soát ma túy tại biên giới Việt Nam với Campuchia đến nay vẫn chưa được triển

khai đồng bộ, thiếu trang bị các loại phương tiện để kiểm tra, phát hiện ma túy. Các hoạt động phối hợp xác minh, bắt giữ đối tượng phạm tội còn nhiều hạn chế, nhất là trong việc phối hợp điều tra các vụ án cụ thể nên đã làm hạn chế hiệu quả đấu tranh, còn để lọt tội phạm hoặc chậm phát hiện, bắt giữ xử lý, nhất là đối tượng phạm tội hoạt động có tổ chức xuyên quốc gia (Bùi Nam Khánh 2019a: 68).

Đấu tranh với tội phạm buôn người: Những năm gần đây, nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em và buôn lậu qua biên giới Việt Nam - Campuchia ngày càng gia tăng, mỗi năm có hơn 12.000 người bị buôn bán qua biên giới hai nước (tăng khoảng hơn 2.000 người/năm so với giai đoạn 2000 - 2005) (Bùi Nam Khánh 2018a: 56). Hai bên đã tổ chức các kế hoạch hành động chung phòng, chống buôn bán phụ nữ và trẻ em¹⁴; Thành lập Tiểu ban Tham vấn là đầu mối liên lạc giữa hai nước mà đại diện là Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Bộ Phụ nữ Campuchia; Tiến hành điều tra khảo sát để thu thập thông tin về buôn bán phụ nữ, trẻ em; Xây dựng kế hoạch truyền thông, đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ các tỉnh giáp biên giới, v.v... Lực lượng công an, biên phòng các tỉnh giáp biên giới hai nước còn phối hợp chặt chẽ, tiến hành đồng bộ các biện pháp tăng cường tuần tra kiểm soát các đường mòn, đường tiểu ngạch nhằm ngăn chặn tình trạng xuất, nhập cảnh trái phép, đưa người ra nước ngoài bán; Thường xuyên cập nhật, thống kê các đối tượng nghi vấn qua lại biên giới làm ăn sinh sống, đối tượng có quyết định truy nã, nạn nhân cần giải cứu kèm theo thông tin liên quan đề nghị phía

Campuchia phối hợp xác minh, truy bắt đối tượng, giải cứu nạn nhân; Trao đổi thông tin giữa các cấp, tiến hành quản lý chặt chẽ các đối tượng có tiền án, tiền sự hoặc đối tượng có biểu hiện nghi vấn về hành vi mua bán người (kể cả đối tượng là người nước ngoài có nghi vấn hoạt động phạm tội), rà soát lại các vụ mua bán người trước đây để thông qua các tài liệu quản lý trong hồ sơ, tàng thư, căn cước qua đó tìm ra các đối tượng cấu kết hình thành băng nhóm, đường dây, phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm mua bán người, phát hiện các đối tượng nghi vấn để nghiên cứu, từ đó có phương án phòng ngừa và điều tra, khám phá tội phạm để xử lý triệt để. Trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, từ năm 2012 đến năm 2018, các cơ quan chức năng đã phát hiện khoảng hơn 300 vụ mua bán người, chiếm hơn 20% tổng số vụ mua bán người trên tuyến biên giới, đứng thứ hai sau tuyến biên giới Trung Quốc (Bùi Nam Khánh 2019b: 62).

Thực tế cho thấy, hợp tác đấu tranh với tội phạm buôn bán người giữa các cơ quan chức năng hai nước chưa tương xứng với tiềm năng và mối quan hệ (Luu Việt 2017). Tình hình hoạt động tội phạm mua bán người liên quan hai nước vẫn diễn biến phức tạp, xuất hiện nhiều đường dây, đối tượng với thủ đoạn mới song kết quả hợp tác đấu tranh còn thấp. Các hoạt động phối hợp, xác minh, bắt giữ đối tượng phạm tội buôn bán người còn ít. Việc phối hợp khảo sát điều tra cơ bản tuyến, địa bàn trọng điểm, các tụ điểm tội phạm ở khu vực biên giới giữa hai nước chưa nhiều. Do vậy, chưa kịp thời phát hiện các đường dây, đối tượng phạm tội để tổ chức đấu tranh. Việc hợp tác trao đổi thông tin, điều tra bắt giữ, chuyển giao tội phạm mua bán người giữa hai nước còn chậm hoặc nhiều vụ án bị bế tắc, kéo dài; Thiếu các văn bản hướng dẫn thực hiện Hiệp định hợp tác song phương về dẫn độ

¹⁴ Nghị định thư về việc phòng ngừa, trấn áp và trừng trị hành vi buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc; Nghị định thư không bắt buộc về mua bán trẻ em, mại dâm và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em, bổ sung cho Công ước về quyền trẻ em.

tội phạm giữa Việt Nam và Campuchia, v.v... Việc xác minh và xác định hồi hương cho các nạn nhân buôn bán đã được hai nước tập trung thực hiện nhưng kết quả vẫn còn rất thấp. Từ năm 2012 đến năm 2017, chính quyền Việt Nam chỉ nhận được gần 20 yêu cầu xác minh nạn nhân từ Campuchia, nhận và trả lại 192 nạn nhân cho Campuchia, cũng trong giai đoạn này, phía Campuchia trả lại cho Việt Nam 77 nạn nhân (Luu Việt 2017).

Tổ chức tuần tra đảm bảo an ninh, an toàn biên giới và ngăn chặn các hoạt động tội phạm: Trong những năm qua, quán triệt và thực hiện các hiệp ước, hiệp định về biên giới và các thỏa thuận hợp tác biên phòng, biên bản ghi nhớ có liên quan được ký kết giữa nhà nước và quân đội nhân dân Việt Nam với các nước láng giềng, trong đó có Campuchia, công tác đối ngoại biên phòng đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Trong đó, tuần tra chung hay còn gọi là phối hợp tuần tra bảo vệ biên giới giữa đồn biên phòng với đồn, trạm biên phòng, các đại đội bảo vệ biên giới của nước tiếp giáp là một sáng kiến mới của lực lượng bảo vệ biên giới hai nước. Ở tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, ngoài các hoạt động tuần tra chung trên đất liền, hai nước còn tổ chức tuần tra song phương trên sông biên giới giữa Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Sông Tiền, Bộ đội biên phòng tỉnh An Giang với Đại đội 3, Trung đoàn 601, Bộ đội biên phòng Campuchia và tuần tra chung trên biển giữa Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân nhân dân Việt Nam và Căn cứ biển Hải quân Hoàng gia Campuchia. Hoạt động tuần tra chung giữa Việt Nam và Campuchia được tổ chức theo chế độ định kỳ hoặc đột xuất và luân phiên đơn vị chủ trì. Hoạt động này do lực lượng bộ đội biên phòng hai nước chủ trì thực hiện, một số kế hoạch còn có sự tham gia của chính quyền, lực lượng cảnh sát địa phương các tỉnh biên giới. Các hoạt động

chính tại tuần tra chung biên giới bao gồm lễ chào cờ cột mốc và tuần tra chung. Theo đó, đội tuần tra của hai đơn vị sẽ tiến hành kiểm tra thực tế đường biên giới, cột mốc chính, các cột mốc phụ và cọc dấu; Tổ chức phát quang, vệ sinh xung quanh cột mốc. Trên đường tuần tra hai bên cũng đã thông báo cho nhau về tình hình hoạt động của các loại tội phạm có liên quan đến hai bên biên giới. Sau buổi tuần tra chung, hai bên thường ký kết biên bản ghi nhớ tuần tra song phương và bàn giao công tác chủ trì, thời gian, quân số cho lần tuần tra song phương tiếp theo. Một số đợt tổ chức tuần tra theo chuyên đề đặc biệt, hai bên sẽ phối hợp xây dựng kế hoạch, phương án tuần tra. Nhìn chung, các hoạt động tuần tra chung giữa Việt Nam - Campuchia trong thời gian qua có ý nghĩa thiết thực, biểu thị sự đoàn kết, nhất trí cao của các bên liên quan vì một đường biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Thông qua tuần tra song phương để phát hiện và ngăn chặn, giải quyết các vụ việc xảy ra ở khu vực biên giới một cách nhanh gọn, đúng thủ tục và trên tinh thần đoàn kết, hữu nghị, hợp tác, hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của hai bên theo các hiệp ước, hiệp định về Quy chế Biên giới và các thỏa thuận khác về biên giới mà Chính phủ hai nước đã ký. Các hoạt động tuần tra chung đem lại hiệu quả quan trọng trong việc chống xâm canh, xâm cư, vượt biên trái phép, xử lý các vụ việc và ngăn chặn tội phạm các loại, góp phần xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, tăng cường sự đoàn kết, tin cậy giữa quân đội và nhân dân Việt Nam với các nước có chung biên giới (Đỗ Thị Thanh Bình và cộng sự 2018c: 210).

Hợp tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống tội phạm: Thông qua các hiệp định, nghị định thư, thỏa thuận đã ký kết, hoạt động hợp tác trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác phòng,

chống tội phạm giữa Campuchia và Việt Nam được tích cực triển khai dưới 3 hình thức là đào tạo chính quy, bồi túc ngắn hạn và tập huấn cán bộ. Việc hợp tác giữa hai nước trong đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ được thực hiện trên cơ sở thống nhất của Bộ Công an Việt Nam, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng Việt Nam với Bộ Nội vụ và lực lượng biên phòng Campuchia. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giữa hai bên chủ yếu tập trung vào các nội dung đào tạo kiến thức chung về lực lượng cảnh sát (hệ thống, cơ cấu, đường lối phát triển, v.v. của lực lượng cảnh sát); Cập nhật về tội phạm và hoạt động của tội phạm trên thế giới, khu vực và biên giới hai nước (về phương thức, thủ đoạn hoạt động, v.v.); Kinh nghiệm trong đấu tranh phòng, chống các tội phạm; Công tác lãnh đạo, chỉ huy, quản lý cảnh sát phòng, chống tội phạm; Sử dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng, chống tội phạm trên tuyến biên giới; Các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng cảnh sát trên các lĩnh vực liên quan đấu tranh phòng, chống tội phạm, v.v.. Theo số liệu từ Cục Hợp tác quốc tế của Bộ Công an Việt Nam, hàng năm Việt Nam đào tạo cho Campuchia 100 cán bộ tại các trường công an với các cấp độ như tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân (Tô Lâm 2018: 3). Theo số liệu của Cục Đối ngoại, Bộ Quốc phòng Việt Nam, hiện nay có 20 cơ sở, trường chính quy của quân đội nhân dân Việt Nam tham gia đào tạo cán bộ quân đội Campuchia và giành cho quân đội Campuchia 250 suất học bổng với hơn 500 lượt cán bộ mỗi năm (Hoàng Đình Nhân 2017: 89), trong đó có nhiều chỉ tiêu đào tạo, huấn luyện trong lĩnh vực biên phòng, phòng, chống tội phạm biên giới. Tuy nhiên, các hoạt động hợp tác đào tạo giữa Việt Nam và Campuchia chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu của hai bên; Số lượng đào tạo chưa cao, chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ đấu tranh phòng, chống tội

phạm có tổ chức xuyên quốc gia; Phần lớn các lớp đào tạo là do Việt Nam tổ chức, phía Campuchia có nhưng chưa nhiều (Bùi Nam Khánh 2019a: 68, 2019b: 63, 65). Từ năm 2009 đến năm 2019, Campuchia chủ yếu đào tạo ngôn ngữ và văn hóa Khmer với khoảng hơn 100 chỉ tiêu cho công an, quân đội Việt Nam, chưa có các lớp đào tạo các chuyên ngành về phòng, chống tội phạm (Tô Lâm 2018: 6).

5. Giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia trong phòng, chống các loại tội phạm trên tuyến biên giới

Trong những năm tới, tình hình tội phạm trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia sẽ còn diễn biến phức tạp. Các tổ chức tội phạm sẽ vẫn tiếp tục hoạt động với những vỏ bọc đa dạng, phương thức hoạt động và hành vi che giấu tội phạm tinh vi, xảo quyệt hơn, gây khó khăn cho công tác phát hiện và điều tra (Đỗ Thành Trường 2018). Cùng với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, quá trình toàn cầu hóa và hợp tác quốc tế, một số loại tội phạm mang tính quốc tế sẽ tiếp tục gia tăng theo quy luật trong đó có tội phạm ma túy, tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em ra nước ngoài, v.v. với sự liên kết chặt chẽ giữa các tổ chức tội phạm của người nước ngoài với các băng nhóm tội phạm là người bản địa (Bùi Nam Khánh 2020: 151). Tình hình trên, đòi hỏi các cơ quan chức năng Việt Nam và Campuchia cần nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác phối hợp trong phòng, chống tội phạm xuyên biên giới, góp phần xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển, trong đó, tập trung vào một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý về hợp tác giữa hai nước trong phòng, chống tội phạm. Đến nay, Việt Nam

và Campuchia đã ký 07 hiệp định, bản ghi nhớ, thỏa thuận cấp nhà nước, chính phủ về phòng, chống tội phạm nhưng mới ở các lĩnh vực cụ thể, hai nước chưa có nghị định thư hoặc hiệp định về hợp tác phòng, chống tội phạm chung. Hiện nay văn bản hợp tác chung mới là hiệp định giữa Bộ Nội vụ Việt Nam (nay là Bộ Công an) và Bộ Nội vụ Campuchia. Đề khẳng định sự quan tâm của hai nước, cũng như tạo điều kiện cho hợp tác sâu rộng cần phải xây dựng hiệp định giữa hai chính phủ về hợp tác trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm. Nội dung của hiệp định cần nêu rõ đầy đủ vai trò, nhiệm vụ của các bên trong việc hợp tác đấu tranh chống tội phạm; Giúp đỡ nhau chặn đứng các hành vi phạm tội kể cả từ giai đoạn chuẩn bị phạm tội, thi hành các biện pháp khẩn cấp trong việc truy bắt tội phạm; Hợp tác điều tra các vụ án hình sự, bằng việc trao đổi các thông tin về vụ phạm tội, đối tượng phạm tội, chuyển giao, cung cấp các chứng cứ pháp lý; Chuyển giao hồ sơ vụ án, bắt giữ và chuyển giao đối tượng truy nã, chuyển giao bị can, bị cáo và phạm nhân; Bảo đảm việc thi hành hình phạt của các bản án hình sự; Hội thảo trao đổi kinh nghiệm, các thành tựu nghiên cứu tội phạm học, giúp đỡ lẫn nhau về phương tiện khoa học - kỹ thuật trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bên cạnh đó, hai nước cần nghiên cứu, ký kết các thỏa thuận hợp tác trong ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống; Phòng, chống các loại tội phạm như buôn lậu, tội phạm xuyên quốc gia, v.v... Đồng thời, hai nước cần tiến hành sơ kết, tổng kết các văn bản đã ký kết; Đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền các văn bản đã ký kết (công bố trên báo chí, thông qua báo đài phát thanh, truyền hình, v.v.) nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân, cán bộ làm công tác liên quan về hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia trong phòng, chống các tội phạm; Phân công, phân cấp cụ thể trong thực hiện các văn bản đã ký giữa Việt Nam và Campuchia; Tăng cường

công tác kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị, địa phương thi hành các điều ước quốc tế, hiệp ước song phương về phòng, chống tội phạm.

Thứ hai, tiếp tục làm tốt công tác thông tin đối ngoại, tuyên truyền kết quả hợp tác, trong đó có hợp tác phòng, chống tội phạm giữa hai nước. Công tác thông tin đối ngoại, tuyên truyền có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa của việc tăng cường hợp tác và những kết quả đạt được, những hạn chế cần khắc phục trong hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia trong phòng, chống tội phạm. Bên cạnh đó, công tác thông tin đối ngoại còn góp phần quảng bá chủ trương, chính sách của Việt Nam và Campuchia ra thế giới. Với ý nghĩa đó, hai nước cần thực hiện tốt công tác thông tin đối ngoại, tuyên truyền hiệu quả việc hợp tác phòng, chống tội phạm giữa hai nước, nhất là kết hợp cùng với việc tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển; Công tác quản lý, bảo vệ đường biên, cột mốc theo quy định của pháp luật mỗi nước; Tình hình hoạt động, mức độ nguy hiểm của các thách thức an ninh phi truyền thống, các loại tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm có tổ chức, nhất là tội phạm trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia; Kết quả hợp tác giữa hai nước trong đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thời gian qua và phương hướng, nhiệm vụ phối hợp trong thời gian tới; Vai trò của nhà nước, chính phủ, các bộ, ngành, địa phương và nhân dân đối với kết quả hợp tác giữa hai nước trong phòng, chống tội phạm...

Thứ ba, chính phủ hai nước cần quan tâm chỉ đạo xây dựng các chương trình chương trình, kế hoạch hợp tác phòng, chống tội phạm phù hợp giữa các bộ, ngành và địa phương. Các đơn vị, lực lượng giáp biên là đối tượng am hiểu nhất địa lý, phong tục tập quán, tình hình tội phạm của ở khu vực biên

giới. Do vậy, cần quán triệt rõ tinh thần trong xây dựng các chương trình, kế hoạch phải căn cứ vào tình hình thực tiễn, tiềm lực, điều kiện và xuất phát từ nhu cầu của địa phương đối biên, tránh hình thức, biểu tượng. Trong các chương trình, kế hoạch triển khai hợp tác phòng, chống tội phạm giữa Việt Nam và Campuchia, nhất là các tỉnh, huyện biên giới hai nước phải đề ra rõ các hình thức hợp tác; Biện pháp triển khai; Phân công, phân cấp phối hợp; Định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết để đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm triển khai, v.v.. Đối với một chương trình, kế hoạch, lĩnh vực hợp tác, hai nước cần phân công rõ một đơn vị chủ trì và các đơn vị phối hợp, tránh tình trạng chông chéo về chức năng, nhiệm vụ, địa bàn, lĩnh vực hợp tác sẽ dẫn đến việc sót việc, thậm chí là bỏ trống nhiệm vụ. Việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong việc tổ chức các chương trình, kế hoạch hợp tác phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, đi vào thực chất hơn, qua đó kịp thời phát hiện những vấn đề còn tồn tại, hạn chế để điều chỉnh, khắc phục trong thời gian tới.

Thứ tư, tăng cường trao đổi, chia sẻ các thông tin phòng, chống tội phạm. Các cơ quan chức năng hai nước cần tiếp tục duy trì các cơ chế trao đổi, chia sẻ thông tin trong phòng, chống tội phạm như qua kênh INTERPOL, Văn phòng BLO, v.v.. Đối với tổ chức và hoạt động của Văn phòng BLO, hai nước cần tiếp tục duy trì, bổ sung, hoàn thiện các chức năng hợp tác phòng, chống tội phạm sao cho phù hợp với thực tiễn công tác phối hợp của hai nước. Chính quyền các các lực lượng chức năng hai nước, nhất là công an địa phương và bộ đội biên phòng duy trì thường xuyên việc gặp gỡ, trao đổi chuyên gia để thảo luận về vấn đề hợp tác phòng, chống các loại tội phạm. Việc trao đổi, chia sẻ thông tin thông cần tiến hành thường xuyên qua hoạt động giao ban tháng, quý, năm. Hai bên cần nghiên cứu thiết lập

đường dây nóng trao đổi thông tin trực tiếp giữa các cơ quan chức năng; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chung về tội phạm giữa hai nước để kịp thời chia sẻ thông tin, phối hợp trong phòng, chống các loại tội phạm. Ở cấp tỉnh, huyện biên giới cần nghiên cứu thực hiện việc giao ban hàng tháng giữa hai nước để đánh giá kết quả phối hợp phòng, chống các loại tội phạm của mỗi bên, đồng thời trao đổi thông tin, thông báo tình hình, rút kinh nghiệm và bàn bạc các biện pháp nâng cao hiệu quả phối hợp đấu tranh.

Thứ năm, đẩy mạnh việc phối hợp trong tuần tra bảo vệ biên giới chung, thực hiện công tác nghiệp vụ cơ bản, điều tra xử lý các đối tượng phạm tội có liên quan Việt Nam và Campuchia. Lực lượng bảo vệ biên giới hai bên phối hợp thực hiện tốt chế độ tuần tra bảo vệ đường biên. Hai bên phối hợp kiểm soát hoạt động qua lại biên giới theo đúng quy định của pháp luật mỗi nước. Đối với công tác quản lý xuất nhập cảnh, bảo vệ an ninh cửa khẩu cần phối hợp nhịp nhàng, tạo thuận lợi cho việc lưu thông qua biên giới, khi có tình hình đột xuất hai bên chủ động trao đổi thông tin, phối hợp cùng nhau giải quyết nhanh gọn. Khi phát hiện các hoạt động tội phạm, cần phối hợp tích cực để kiểm tra xử lý tội phạm; Thực hiện việc dẫn độ tội phạm theo đúng các thỏa thuận hai bên đã ký kết. Hai bên cần tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa công an, hải quan, bộ đội biên phòng trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia trong phòng, chống tội phạm tại khu vực biên giới, cửa khẩu. Chính phủ và các lực lượng chức năng Việt Nam cần tăng cường giúp Campuchia trong đào tạo, tập huấn cán bộ, hỗ trợ kinh phí, phương tiện phát hiện, điều tra tội phạm.

Thứ sáu, chú trọng hơn nữa hoạt động giao lưu, kết nghĩa giữa các đơn vị chức năng, địa phương hai tuyến biên giới. Nếu thực hiện tốt các hoạt động giao lưu, kết nghĩa với các đơn vị chức năng, địa phương

khu vực biên giới sẽ góp phần tăng cường tinh thần đoàn kết, gắn bó, trách nhiệm giữa các lực lượng chức năng, nhân dân hai nước khu vực biên giới. Đây là một trong những biện pháp hiệu quả để xây dựng thể trận an ninh nhân dân, thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận lòng dân làm cơ sở để xây dựng, quản lý, đảm bảo an toàn, trật tự trên khu vực biên giới. Vì vậy, chính phủ hai nước cần chỉ đạo tốt các lực lượng chức năng, địa phương các tỉnh biên giới tiếp tục thực hiện tốt, hiệu quả các cơ chế phối hợp, chú trọng việc tổ chức các hoạt động giao lưu, kết nghĩa tại khu vực biên giới.

Thứ bảy, tăng cường hợp tác với Lào, các nước trong Tiểu vùng sông Mê Kông, các nước ASEAN tăng cường hợp tác phòng, chống tội phạm. Tội phạm là một vấn đề an ninh phi truyền thống đang nổi lên và là thách thức lớn đối với lợi ích, an ninh quốc gia không chỉ riêng của Việt Nam hay Campuchia mà là thách thức chung của khu vực và thế giới. Bên cạnh việc tăng cường các hoạt động hợp tác song phương trong giải quyết vấn đề này, Việt Nam và Campuchia cần tăng cường hợp tác hơn nữa với Lào, các nước ASEAN trong ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống nói chung, các loại tội phạm nói riêng thông qua các diễn đàn Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam, diễn đàn An ninh, quốc phòng của ASEAN. Việc hợp tác cần được thúc đẩy qua các cơ chế hợp tác nội khối ASEAN và giữa ASEAN với các đối tác lớn như Mỹ, Nhật Bản, Úc, v.v. để trao đổi kinh nghiệm, tăng cường hợp tác giữa các cơ quan chức năng các nước trong phòng, chống tội phạm.

6. Kết luận

Hợp tác giữa các quốc gia đang trở thành xu thế hiện nay, nhất là trong bối cảnh căng thẳng leo thang xung quanh các

tranh chấp chủ quyền và quyền chủ quyền giữa các bên liên quan. Cùng với sự gia tăng của thách thức an ninh phi truyền thống, trong đó có hoạt động của các loại tội phạm, đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục chủ động, tích cực mở rộng quan hệ đối ngoại và tăng cường hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm; Ưu tiên hợp tác với các cơ quan an ninh, cảnh sát, nội vụ các nước láng giềng, các nước lớn, các đối tác quan trọng, bạn bè truyền thống, các tổ chức và hiệp hội cảnh sát, tư pháp hình sự quốc tế để đấu tranh phòng, chống có hiệu quả tội phạm. Đối với Campuchia, Việt Nam cần tăng cường hơn nữa việc hợp tác song phương, đưa công tác này đi vào thực chất; Tăng cường cơ chế trao đổi, chia sẻ thông tin và phối hợp đấu tranh trực tiếp với các loại tội phạm trên tuyến biên giới.

Tài liệu trích dẫn

- Bộ Công an Việt Nam. 2018. "Tài liệu Hội nghị giao ban giữa Việt Nam và Campuchia trong phối hợp đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy năm 2018". Đà Nẵng. Tài liệu lưu trữ tại Cục Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy, Bộ Công an.
- Bộ Ngoại giao Việt Nam. 2006. "Thông tin cơ bản về Campuchia và quan hệ với Việt Nam". Cổng thông tin điện tử Bộ Ngoại giao Việt Nam (http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/cn_vakv/ca_tbd/nr040824144816/ns060918140129). Truy cập ngày 11/9/2020.
- Bùi Nam Khánh. 2018a. "Đảm bảo an ninh phân giới cắm mốc tuyến biên giới đất liền giữa Việt Nam và Campuchia". Tạp chí *Khoa học và Giáo dục An ninh* 16: 54-58.
- Bùi Nam Khánh. 2018b. "Nhân tố ảnh hưởng đến hợp tác đảm bảo an ninh tuyến biên giới đất liền giữa Việt Nam và Campuchia". Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn* 4(6): 693-709.
- Bùi Nam Khánh. 2019a. "Nâng cao hiệu quả hợp tác phòng, chống tội phạm về ma túy trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia". Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á* 3(228): 65-70.

- Bùi Nam Khánh. 2019b. "Buôn bán người qua biên giới Việt Nam - Campuchia: Thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa". Tạp chí *Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á* 9(82): 60-67.
- Bùi Nam Khánh. 2020. "Hợp tác xuyên biên giới giữa Việt Nam và Campuchia trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia". Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế* 1(120): 137-158.
- Đỗ Thành Trường. 2018. "Dự báo tình hình tội phạm về ma túy và các giải pháp tăng cường phòng ngừa tình hình tội phạm về ma túy". *Công thông tin điện tử Viện Kiểm sát nhân dân tối cao* (<https://www.vksndtc.gov.vn/thong-tin/du-bao-tinh-hinh-toi-pham-ve-ma-tuy-va-cac-giai-ph-d12-t7699.html>). Truy cập ngày 11/9/2020.
- Đỗ Thị Thanh Bình, Bùi Nam Khánh. 2018a. "Một số giải pháp tăng cường hợp tác đảm bảo an ninh biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia". Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á* 7(220): 23-29.
- Đỗ Thị Thanh Bình, Bùi Nam Khánh. 2018b. "Hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia trong đảm bảo an ninh tuyến biên giới đất liền". Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế* 1(112): 172-191.
- Đỗ Thị Thanh Bình, Bùi Nam Khánh. 2018c. "Vietnam - Cambodia cooperation in border security. *International Studies* 38: 203-219.
- Hoàng Anh. 2015. "Văn phòng BLO: Kênh trao đổi thông tin quan trọng" *Tiếng Chuông* (<http://tiengchuong.vn/Ma-tuy/Van-phong-BLO-Kenh-trao-doi-thong-tin-quan-trong/14922.vgp>). Truy cập ngày 21/4/2020.
- Hoàng Anh. 2019. "Diễn tập liên hợp chống tội phạm ma túy xuyên biên giới Việt Nam-Campuchia". *Tiếng Chuông* (<http://tiengchuong.vn/Tin-tuc-su-kien/Dien-tap-lien-hop-chong-toi-pham-ma-tuy-xuyen-bien-gioi-Viet-NamCampuchia/34584.vgp>). Truy cập ngày 04/12/2019.
- Hoàng Đình Nhân. 2017. *Đối ngoại quốc phòng Việt Nam từ đầu thế kỷ XXI đến nay* "Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế". Hà Nội: Học viện Ngoại giao.
- Lưu Việt. 2017. "Hội nghị đánh giá thực hiện Hiệp định hợp tác song phương về phòng, chống buôn bán người và Quy trình chuẩn về xác minh, xác định và hồi hương nạn nhân giữa Chính phủ hai nước Campuchia và Việt Nam". *Tuyên truyền Đông Tháp* (<http://tuyentruyen.dongthap.gov.vn/tin-tuc-su-kien-24/hoi-nghi-danh-gia-thuc-hien-hiep-dinh-hop-tac-song-phuong-ve-phong-chong-buon-ban-nguoi-va-quy-trinh-chuan-ve-xac-minh-xac-dinh-va-hoi-huong-nan-nhan-giuachinh-phu-hai-nuoc-campuchia-va-viet-nam-37.html>). Truy cập ngày 30/6/2019.
- Mai Đan. 2018. "Cảnh báo gia tăng tình trạng mua bán người qua biên giới". *Thời báo Tài chính Việt Nam* (<http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/xa-hoi/2018-06-14/canh-bao-gia-tang-tinh-trang-mua-ban-nguoi-qua-bien-gioi-58672.aspx>). Truy cập ngày 04/12/2019.
- Nguyễn Hồng Nhung. 2010. "Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt Nam-Campuchia". Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á* 8: 22-24.
- Nguyễn Thành Văn (Chủ biên). 2018. *Việt Nam - Campuchia: Hợp tác hữu nghị và phát triển*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.
- Phạm Thanh Tân. 2018. "Tăng cường hợp tác phòng, chống tội phạm ở khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia". *Báo Ảnh và Dân tộc miền núi*, <https://dantocmiennui.vn/xa-hoi/tang-cuong-hop-tac-phong-chong-toi-pham-o-khu-vuc-bien-gioi-viet-nam-campuchia/172816.html>). Truy cập ngày 11/9/2020.
- Quang Đạo. 2018. "Ngăn chặn, đẩy lùi tội phạm mua bán người". *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam* (<http://www.dangcongsan.vn/xa-hoi/ngan-chan-day-lui-toi-pham-mua-ban-nguoi-506789.html>). Truy cập ngày 04/12/2019.
- Quang Thanh. 2019. "Việt Nam và Campuchia ký hai văn kiện quan trọng về cắm mốc biên giới". *VnEconomy* (<http://vneconomy.vn/viet-nam-va-campuchia-ky-hai-van-kien-quan-trong-ve-cam-moc-bien-gioi-20191005141624944.htm>). Truy cập ngày 04/12/2019.
- Talpur Anushka, George Tony. 2014. "A review of drug policy in the Golden Crescent: Towards the development of more effective solutions". *Asian Journal of Psychiatry* 12: 31-35.

- Tiến Mạnh. 2016. "Việt Nam và Campuchia tăng cường phòng chống ma túy ở biên giới". Công an nhân dân (http://congan.com.vn/tin-chinh/chinh-tri-thoi-su/viet-nam-va-campuchia-tang-cuong-phong-chong-ma-tuy-o-bien-gioi_29678.html). Truy cập ngày 04/12/2019.
- Tô Lâm. 2018. "Tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác đào tạo của lực lượng Công an nhân dân trong tình hình mới". Tạp chí Công an nhân dân 3: 2-8.
- Thanh Hà. 2018. "Tăng cường hỗ trợ nạn nhân của tội phạm mua bán người". Thời Đại (http://thoidai.com.vn/phong-chong-mua-ban-nguoi/tang-cuong-ho-tro-nan-nhan-cua-toi-pham-mua-ban-nguoi_t114c102n99508). Truy cập ngày 04/12/2019.
- Thông tấn xã Việt Nam. 2016. "Phối hợp triệt phá đường dây, băng nhóm buôn bán người qua biên giới". Báo điện tử Quân đội nhân dân (<https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc-su-kien/phoi-hop-triet-pha-cac-duong-day-bang-nhom-buon-ban-nguoi-qua-bien-gioi-457631>). Truy cập ngày 04/12/2019.
- UNODC. 2019a. "Responses: Border Liaison Office (BLO) Network". Asia (http://asia.aidforum.org/docs/Gerson_Bergeth.pdf). Truy cập ngày 04/12/2019.
- UNODC. 2019b. "Supporting Regional Integration with Effective Border Management: Border Liaison Offices". UNODC (https://www.unodc.org/documents/southeastasiaandpacific/Publications/2015/patrol/BLO_Brochure_web.pdf). Truy cập ngày 11/9/2020.
- UNODC. 2019c. "Transnational Organized Crime in Southeast Asia: Evolution, Growth and Challenges". UNODC (https://www.unodc.org/documents/southeastasiaandpacific/Publications/2019/SEA_TOCTA_2019_web.pdf). Truy cập ngày 11/9/2020.
- Vũ Thi. 2016. "Cả nước có gần 10% hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo mới". Nhân dân (<http://www.nhandan.com.vn/xahoi/item/30490-102-ca-nuoc-co-gan-10-ho-ngheo-theo-chuan-ngheo-moi.html>). Truy cập ngày 04/12/2019.
- Vương Xuân Tinh. 2014. Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.